

**Số: 113/2021/QĐST-HNGĐ**

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn”*

*K, ngày 10 tháng 12 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 179/2021/TLST-HNGĐ, ngày 17/11/2021, giữa: Nguyên đơn chị Trần Thị N, sinh năm 1980; Bị đơn anh Phạm Văn S, sinh năm 1968. Điều cư trú tại: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
- Căn cứ Điều 55; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Trần Thị N và anh Phạm Văn S.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về con chung:* Chị Trần Thị N và anh Phạm Văn S xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1999, cháu Phạm Văn H1, sinh năm 2001 và cháu Phạm Hoa Đ, sinh ngày 28/10/2005. Cháu H và cháu H1 đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu Đ khi ly hôn chị N và anh S thỏa thuận giao con chung là cháu Phạm Hoa Đ, sinh ngày 28/10/2005 cho chị N trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N. Anh S có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- *Về án phí:* Chị Trần Thị N và anh Phạm Văn S thỏa thuận chị N nộp toàn bộ tiền án phí thuận tình ly hôn số tiền là 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004455, ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Hoàn trả lại cho chị N số tiền 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh NB (1);
- VKSND huyện K (2);
- CCTHADS huyện K (1);
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Hoàng Ngọc Hưng**